

BAN CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA  
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GẮN VỚI ĐỀ ÁN TÁI CƠ CẤU  
NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG  
CỦA TỈNH ĐỒNG THÁP ĐẾN NĂM 2025

**SỔ TAY**  
**HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN**  
**HƯỚNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA**  
**XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TỈNH**  
**ĐỒNG THÁP GIAI ĐOẠN 2021-2025**



*(Tài liệu hướng dẫn thực hiện  
Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới)*

## MỤC LỤC

Trang

➤ Hệ thống văn bản thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 .....	5
➤ Văn bản Trung ương .....	5
➤ Văn bản tỉnh .....	9
➤ Hướng dẫn thực hiện bộ tiêu chí về xã nông thôn mới .....	17
➤ Hướng dẫn thực hiện bộ tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao.....	35
➤ Hướng dẫn thực hiện bộ tiêu chí về xã nông thôn mới kiểu mẫu.....	57
➤ Hướng dẫn thực hiện bộ tiêu chí về huyện nông thôn mới .....	69
➤ Hướng dẫn quy định thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.....	80
➤ Hướng dẫn thực hiện bộ tiêu chí về huyện nông thôn mới nâng cao.....	81

**BAN CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA  
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GẮN VỚI ĐỀ ÁN TÁI CƠ CẤU  
NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG  
CỦA TỈNH ĐỒNG THÁP ĐẾN NĂM 2025**








## **HỆ THỐNG VĂN BẢN**

**THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH  
MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI  
TỈNH ĐỒNG THÁP GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

**HỆ THỐNG VĂN BẢN  
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG  
NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

STT	Loại văn bản	Số, ngày của văn bản	Trích yếu	Mã QR Code
<b>VĂN BẢN TRUNG ƯƠNG</b>				
1	Quyết định	Số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022	Phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021- 2025	
2	Quyết định	Số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022	Ban hành bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025	
3	Quyết định	Số 319/QĐ-TTg ngày 08/3/2022	Về việc quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021 - 2025	
4	Quyết định	Số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022	Ban hành bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025	





**HỆ THỐNG VĂN BẢN**  
**THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG**  
**NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

STT	Loại văn bản	Số, ngày của văn bản	Trích yếu	Mã QR Code
5	Quyết định	Số 321/QĐ-TTg ngày 08/3/2022	Về việc quy định tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025	
6	Quyết định	Số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022	Ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ và quy định tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025	
7	Quyết định	Số 35/QĐ-BCĐCTMTQG ngày 25/3/2022	Ban hành Chương trình công tác năm 2022 của Ban Chỉ đạo Trung ương các chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025	
8	Quyết định	Số 587/QĐ-TTg ngày 18/5/2022	Ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào thi đua "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025"	
9	Quyết định	Số 919/QĐ-TTg ngày 01/8/2022	Phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021-2025	

**HỆ THỐNG VĂN BẢN**  
**THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG**  
**NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

STT	Loại văn bản	Số, ngày của văn bản	Trích yếu	Mã QR Code
10	Quyết định	Số 922/QĐ-TTg ngày 02/8/2022	Phê duyệt Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	
11	Quyết định	Số 923/QĐ-TTg ngày 02/8/2022	Phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	
12	Quyết định	Số 924/QĐ-TTg ngày 02/8/2022	Phê duyệt Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025	
13	Quyết định	Số 925/QĐ-TTg ngày 02/8/2022	Phê duyệt Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	
14	Quyết định	Số 926/QĐ-TTg ngày 02/8/2022	Phê duyệt Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	

**HỆ THỐNG VĂN BẢN**  
**THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG**  
**NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

STT	Loại văn bản	Số, ngày của văn bản	Trích yếu	Mã QR Code
15	Quyết định	Số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022	Ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn NTM, đạt chuẩn NTM nâng cao, đạt chuẩn NTM kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025	
16	Quyết định	Số 04/QĐ-BCĐTW-VPĐP ngày 12/10/2022	Ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) giai đoạn 2021-2025	
17	Quyết định	Số 05/QĐ-BCĐTW-VPĐP ngày 12/10/2022	Ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	
18	Quyết định	Số 06/QĐ-BCĐTW-VPĐP ngày 12/10/2022	Ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm thuộc Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025	




**HỆ THỐNG VĂN BẢN**  
**THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG**  
**NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

STT	Loại văn bản	Số, ngày của văn bản	Trích yếu	Mã QR Code
19	Quyết định	Số 07/QĐ-BCĐTW-VPĐP ngày 17/10/2022	Ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	
<b>VĂN BẢN TỈNH</b>				
1	Kết luận	250-KL/TU, ngày 09/12/2021	Kết luận của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh khoá XI về tiếp tục thực hiện Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới gắn với Tái cơ cấu ngành Nông nghiệp và công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2025	
2	Kế hoạch	Số 65/KH-UBND, ngày 28/02/2022	Kế hoạch thực hiện Kết luận số 250- KL/TU ngày 09/12/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ Tỉnh khóa XI về tiếp tục thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với Tái cơ cấu ngành Nông nghiệp và công tác giảm nghèo bền vững năm 2025;	





**HỆ THỐNG VĂN BẢN**  
**THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG**  
**NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

STT	Loại văn bản	Số, ngày của văn bản	Trích yếu	Mã QR Code
3	Nghị quyết	Số 14/NQ-HĐND, ngày 15/07/2022	Về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021 - 2025	
4	Nghị quyết	Số 15/NQ-HĐND, ngày 15/07/2022	Về việc thông qua kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	
5	Nghị quyết	Số 17/2022/NQ-HĐND, ngày 15/7/2022	Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương, tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương; cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình, dự án; cơ chế huy động các nguồn lực và nội dung hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	




**HỆ THỐNG VĂN BẢN**  
**THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG**  
**NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

STT	Loại văn bản	Số, ngày của văn bản	Trích yếu	Mã QR Code
6	Nghị quyết	Số 22/NQ-HĐND, ngày 15/07/2022	Về việc giao dự toán ngân sách Trung ương năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	
7	Kế hoạch	Số 99/KH-UBND, ngày 22/03/2022	Triển khai Quyết định số 224/QĐ-BNN-VPĐP ngày 18/01/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Kế hoạch triển khai Quyết định số 1689/QĐ-TTg ngày 11/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình Mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025	
8	Kế hoạch	Số 221/KH-UBND, ngày 18/6/2022	Thực hiện phong trào thi đua "Chung sức xây dựng nông thôn mới" tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021-2025	

**HỆ THỐNG VĂN BẢN**  
**THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG**  
**NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

STT	Loại văn bản	Số, ngày của văn bản	Trích yếu	Mã QR Code
9	Kế hoạch	Số 240/KH-UBND, ngày 6/7/2022	Truyền thông, thông tin tuyên truyền Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp và công tác giảm nghèo bền vững tỉnh Đồng Tháp đến năm 2025	
10	Hướng dẫn	2770/HD-HĐTĐKT, ngày 08/11/2022	V/v hướng dẫn khen thưởng thành tích trong Phong trào thi đua "Chung sức xây dựng nông thôn mới" tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021 - 2025	
11	Kế hoạch	Số 196/KH-MTTQ-BTT, ngày 13/10/2022	Kế hoạch triển khai thực hiện việc lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025	
12	Công văn	Số 1093/UBND-KT, ngày 14/10/2022	Hướng dẫn điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025	

**HỆ THỐNG VĂN BẢN**  
**THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG**  
**NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

STT	Loại văn bản	Số, ngày của văn bản	Trích yếu	Mã QR Code
13	Kế hoạch	Số 346/KH-UBND, ngày 18/10/2022	Về việc triển khai thực hiện Chương trình Phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	
14	Kế hoạch	Số 351/KH-UBND, ngày 19/10/2022	Triển khai thực hiện Chương trình Khoa học công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	
15	Kế hoạch	Số 356/KH-UBND, ngày 25/10/2022	Tập huấn theo Khung chương trình tập huấn, bồi dưỡng cán bộ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	



**BAN CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG  
NÔNG THÔN MỚI GẮN VỚI ĐỀ ÁN TÁI CƠ CẤU NGÀNH NÔNG NGHIỆP  
VÀ CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG CỦA TỈNH ĐỒNG THÁP  
ĐẾN NĂM 2025**



**HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN  
BỘ TIÊU CHÍ VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI  
VÀ BỘ TIÊU CHÍ VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI  
NÂNG CAO TỈNH ĐỒNG THÁP  
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**










**HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI  
VÀ BỘ TIÊU CHÍ VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO  
TỈNH ĐỒNG THÁP GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**







*(Quyết định số 863/QĐ-UBND-HC ngày 08 tháng 8 năm 2022  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)*

**CHƯƠNG 1**









**HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI  
TỈNH ĐỒNG THÁP GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**







TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách	Hướng dẫn thực hiện	Danh mục hồ sơ minh chứng
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2021 - 2025 (trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn) và được công bố công khai đúng thời hạn	<b>Đạt</b>	 Sở Xây dựng		
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	<b>Đạt</b>			










TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách	Hướng dẫn thực hiện	Danh mục hồ sơ minh chứng
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm (đường cấp A, nền rộng $\geq 6,5m$ , mặt rộng $\geq 3,5m$ )	100%	Sở Giao thông vận tải		
		2.2. Tỷ lệ đường trục ấp và liên ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm (đường cấp B, nền rộng $\geq 5m$ , mặt rộng $\geq 3,5m$ )	$\geq 90\%$			
		2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và không lấy lợi vào mùa mưa (đường cấp C, nền rộng $\geq 4m$ , mặt rộng $\geq 3m$ )	100% ( $\geq 50\%$ cứng hóa)			
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm (đường cấp C, nền rộng $\geq 4m$ , mặt rộng $\geq 3m$ )	$\geq 70\%$			





TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách	Hướng dẫn thực hiện	Danh mục hồ sơ minh chứng
3	Thuỷ lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên	Đạt	Sở Nông nghiệp & PTNT		
		3.2. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Đạt			
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện	Đạt	Sở Công Thương		
		4.2. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp với tổ chức và cá nhân có chức năng quản lý, vận hành lưới điện và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	$\geq 98\%$			
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS; hoặc trường phổ	a) Các xã có hơn 3 trường  100% đạt tiêu chuẩn CSVN tối thiểu,	Sở Giáo dục và Đào tạo		





TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách	Hướng dẫn thực hiện	Danh mục hồ sơ minh chứng
		thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo	<b>trong đó ≥ 70% đạt tiêu chuẩn CSVC mức độ 1</b>			
		b) Các xã có từ 3 trường trở xuống	<b>100% đạt tiêu chuẩn CSVC tối thiểu, trong đó ≥ 50% đạt tiêu chuẩn CSVC mức độ 1</b>			

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách	Hướng dẫn thực hiện	Danh mục hồ sơ minh chứng	
6	Cơ sở vật chất văn hoá	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao đạt chuẩn phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã	<b>Đạt</b>	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định	<b>Đạt</b>				
		6.3. Tỷ lệ ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng	<b>100%</b>				
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa	<b>Đạt</b>	Sở Công Thương			
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính	<b>Đạt</b>				










TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách	Hướng dẫn thực hiện	Danh mục hồ sơ minh chứng
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet		<b>Đạt</b>	Sở Thông tin và Truyền thông		
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các ấp		<b>Đạt</b>			
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành		<b>Đạt</b>			
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát		<b>Không</b>			
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố		<b>≥ 70%</b>	Sở Xây dựng		
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người)	Năm 2021	<b>≥ 50</b>			
			Năm 2022	<b>≥ 53</b>			
			Năm 2023	<b>≥ 56</b>			
			Năm 2024	<b>≥ 59</b>			
			Năm 2025	<b>≥ 62</b>			
				Cục Thống kê Tỉnh			




TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách	Hướng dẫn thực hiện	Danh mục hồ sơ minh chứng
11	Nghèo đa chiều	Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội		<b>Đạt</b>			
12	Lao động	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)		<b>≥ 70%</b>			
		12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)		<b>≥ 25%</b>			
13	Tổ chức sản xuất và phát triển	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã		<b>Đạt</b>			
				Sở Kế hoạch và Đầu tư			


TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách	Hướng dẫn thực hiện	Danh mục hồ sơ minh chứng
	kinh tế nông thôn	13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững	<b>Đạt</b>	 Sở Nông nghiệp & PTNT		
		13.3. Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương	<b>Ít nhất 01 cơ sở</b>	 Sở Nông nghiệp & PTNT		
		13.4. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường	<b>Đạt</b>	 Sở Nông nghiệp & PTNT		
		13.5. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả	<b>Đạt</b>	 Sở Nông nghiệp & PTNT		

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách	Hướng dẫn thực hiện	Danh mục hồ sơ minh chứng
14	Giáo dục và Đào tạo	13.6. Có ít nhất 01 (một) mô hình hội quán hoạt động trong năm xếp loại từ loại tốt trở lên	<b>Đạt</b>	 Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc VN tỉnh phụ trách hướng dẫn		
		14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học; phổ cập giáo dục trung học cơ sở; xóa mù chữ	<b>Đạt</b>	 Sở Giáo dục và Đào tạo		



TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách	Hướng dẫn thực hiện	Danh mục hồ sơ minh chứng
		c) Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1	$\geq 98\%$			
		d) Đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 2	<b>Đạt</b>			
		đ) Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2	<b>Đạt</b>			
		e) Trung tâm học tập cộng đồng được đánh giá/xếp loại	<b>Tốt</b>			
		14.2. Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp)	$\geq 80\%$			







TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách	Hướng dẫn thực hiện	Danh mục hồ sơ minh chứng
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 90\%$	 Sở Y tế		
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	<b>Đạt</b>			
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	$\leq 19\%$			
		15.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử	$\geq 50\%$			
16	Văn hoá	Tỷ lệ áp đạt tiêu chuẩn văn hoá theo quy định, có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới	<b>100%</b>	 Sở Văn hóa, TT & DL		
		17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	$\geq 45\%$ ( $\geq 0\%$ từ hệ thống cấp nước tập trung)	 Sở Nông nghiệp & PTNT		



TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách	Hướng dẫn thực hiện	Danh mục hồ sơ minh chứng
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	≥ 95%	 Sở Tài nguyên và Môi trường		
		17.3. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung	Đạt			
		17.4. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn (02 m <sup>2</sup> /người)	Đạt	 Sở Nông nghiệp & PTNT		
		17.5. Có ít nhất 01 (một) mô hình dòng sông không rác được duy trì thường xuyên	Đạt	 Sở Tài nguyên và MT		






TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách	Hướng dẫn thực hiện	Danh mục hồ sơ minh chứng
		17.6. Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	Đạt	 Sở Xây dựng		
		17.7. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	≥ 85%			
		17.8. Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%			



TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách	Hướng dẫn thực hiện	Danh mục hồ sơ minh chứng
		17.9. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	≥ 70%	 - Hội Liên hiệp Phụ nữ VN Tỉnh hướng dẫn nội dung “đảm bảo 3 sạch” (sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ) thuộc chỉ tiêu 17.9		
		17.10. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	≥ 70%	 Sở Nông nghiệp & PTNT		

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách	Hướng dẫn thực hiện	Danh mục hồ sơ minh chứng
		17.11. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	  Sở Nông nghiệp & PTNT (do 2 đơn vị phụ trách)		
		17.12. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	≥ 30%			
		17.13. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	≥ 50%	Sở Tài nguyên và Môi trường		
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn	Đạt	 Sở Nội vụ		

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách	Hướng dẫn thực hiện	Danh mục hồ sơ minh chứng
		18.2. Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	<b>Đạt</b>			
		18.3. Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	<b>100%</b>			
		18.4. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	<b>Đạt</b>	 Sở Tư pháp		
		18.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội	<b>Đạt</b>	 Sở Lao động - Thương binh và Xã hội		

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách	Hướng dẫn thực hiện	Danh mục hồ sơ minh chứng
		18.6. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển ấp	<b>Đạt</b>	 Văn phòng Điều phối Tỉnh		
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng	<b>Đạt</b>	 Bộ Chỉ huy Quân sự Tỉnh		
		19.2. Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về	<b>Đạt</b>	 Công an Tỉnh		



TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách	Hướng dẫn thực hiện	Danh mục hồ sơ minh chứng
		xâm hại trẻ em; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc,...) và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giảm so với năm trước; có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả				




## CHƯƠNG 2




### HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO TỈNH ĐỒNG THÁP GIAI ĐOẠN 2021 - 2025













1. Là xã đạt chuẩn nông thôn mới (*đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025*)

2. Đạt các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025, bao gồm:







TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách	Hướng dẫn thực hiện	Danh mục hồ sơ minh chứng
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch	Đạt	Sở Xây dựng		
		1.2. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch	Đạt			
		1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên	Đạt			




TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách	Hướng dẫn thực hiện	Danh mục hồ sơ minh chứng
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định (nền rộng 6,5 mét, mặt rộng 3,5 mét)	100%	 Sở Giao thông vận tải		
		2.2. Tỷ lệ đường ấp và đường liên ấp	100%			
		a) Được cứng hóa và bảo trì hàng năm (nền rộng 5,0 mét; mặt rộng 3,5 mét)				
		b) Có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp	≥ 70%			










TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách	Hướng dẫn thực hiện	Danh mục hồ sơ minh chứng
3	Thuỷ lợi và phòng, chống thiên tai	2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp (nền rộng 4,0 mét, mặt rộng 3,0 mét)	≥ 90%	 Sở Nông nghiệp & PTNT		
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp (nền rộng 4,0 mét, mặt rộng 3,0 mét)	≥ 70%			
		3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	≥ 90%			
		3.2. Có ít nhất 01 tổ chức thuỷ lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững	Đạt			
		3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước	Cây lúa ≥ 55%; cây ăn trái ≥ 25%, hoa màu ≥ 20%			



TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách	Hướng dẫn thực hiện	Danh mục hồ sơ minh chứng
		3.4. Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm	<b>Đạt</b>			
		3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi	<b>Đạt</b>			
		3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	<b>Đạt</b>			
4	Điện	Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp với tổ chức và cá nhân có chức năng quản lý, vận hành lưới điện và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định	<b>≥ 99%</b>	 Sở Công Thương	 	  
5	Giáo dục	5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở	<b>100%</b>	 Sở Giáo dục và Đào tạo	 	  

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách	Hướng dẫn thực hiện	Danh mục hồ sơ minh chứng	
		vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2	<b>Đạt</b>				
		5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi					
		5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS					<b>Mức độ 3</b>
		5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ					<b>Mức độ 2</b>
		5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại					<b>Khá</b>
		5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền					<b>≥ 01 mô hình</b>



TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách	Hướng dẫn thực hiện	Danh mục hồ sơ minh chứng
6	Cơ sở vật chất văn hoá	6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên	<b>Đạt</b>	 Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch		
		6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định	<b>Đạt</b>			
		6.3. Tỷ lệ áp dụng tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới	<b>100%</b>			
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm	<b>Đạt</b>	 Sở Công Thương		





TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách	Hướng dẫn thực hiện	Danh mục hồ sơ minh chứng
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân	<b>Đạt</b>	 Sở Thông tin và Truyền thông		
		8.2. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh	<b>Đạt</b>			
		8.3. Có dịch vụ báo chí truyền thông	<b>Đạt</b>			
		8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới	<b>Đạt</b>			
		8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...)	<b>Đạt</b>			







TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách	Hướng dẫn thực hiện	Danh mục hồ sơ minh chứng
9	Nhà ở dân cư	Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố	$\geq 75\%$	 Sở Xây dựng		
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người)	Năm 2021 $\geq 60$	 Cục Thống kê Tỉnh		
			Năm 2022 $\geq 64$			
			Năm 2023 $\geq 68$			
			Năm 2024 $\geq 72$			
			Năm 2025 $\geq 76$			
11	Nghèo đa chiều	Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	<b>Đạt</b>	 Sở Lao động - Thương binh và Xã hội		







TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách	Hướng dẫn thực hiện	Danh mục hồ sơ minh chứng
12	Lao động	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 75\%$	 Sở Lao động - Thương binh và Xã hội		
		12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 30\%$			
		12.3. Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn	$\geq 70\%$			
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định	$\geq 01$ <b>hợp tác xã</b>	 Sở Kế hoạch và Đầu tư		



TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách	Hướng dẫn thực hiện	Danh mục hồ sơ minh chứng
		13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn	≥01 sản phẩm OCOP 3 sao trở lên	 Văn phòng Điều phối Tỉnh		
		13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm	≥ 01 mô hình	 Sở Nông nghiệp & PTNT		
		13.4. Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã	Đạt			
		13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử	≥ 10%			






TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách	Hướng dẫn thực hiện	Danh mục hồ sơ minh chứng
		13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng	≥01 mã vùng	 Sở Nông nghiệp & PTNT		
		13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội	Đạt	 Sở Văn hóa - TT và DL		
		13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường)	≥ 01 mô hình	 Sở Nông nghiệp & PTNT		
		13.9. Có ít nhất 01 (một) mô hình hội quán hoạt động được xếp loại Tiêu biểu trong năm	Đạt	 Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam Tỉnh phụ trách		



TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách	Hướng dẫn thực hiện	Danh mục hồ sơ minh chứng
14	Y tế	14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥ 95%	 Sở Y tế		
		14.2. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥ 90%			
		14.3. Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥ 40%			
		14.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử	≥ 70%			
15	Hành chính công	15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính	Đạt	 Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh		
		15.2. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên	Đạt			





TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách	Hướng dẫn thực hiện	Danh mục hồ sơ minh chứng
		15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp	Đạt			
16	Tiếp cận pháp luật	16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận	≥ 01 mô hình	 Sở Tư pháp		
		16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành	≥ 90%			
		16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu	≥ 90%			
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường	Đạt	 Sở Tài nguyên và Môi trường		

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách	Hướng dẫn thực hiện	Danh mục hồ sơ minh chứng
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%			
		17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	≥ 95%			
		17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	≥ 35%			
		17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	≥ 50%			
		17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường 100%				

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách	Hướng dẫn thực hiện	Danh mục hồ sơ minh chứng
		17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường	≥ 80%			Sở Nông nghiệp & PTNT
		17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	≥ 85%			Sở Nông nghiệp & PTNT
		17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch	Đạt			Sở Xây dựng
		17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	≥ 10%			
		17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn (04 m <sup>2</sup> /người)	Đạt			Sở Nông nghiệp & PTNT

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách	Hướng dẫn thực hiện	Danh mục hồ sơ minh chứng
		17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	≥ 70%	 Sở Tài nguyên và Môi trường		
18	Chất lượng môi trường sống	18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung	≥ 55%	 Sở Nông nghiệp & PTNT		
		18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ ngày đêm	≥ 60 lít			
		18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	≥ 40%			
		18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tuyên truyền, tập huấn về an toàn thực phẩm	100%	 		

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách	Hướng dẫn thực hiện	Danh mục hồ sơ minh chứng
		18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã	Không	Sở Nông nghiệp & PTNT (02 đơn vị trực thuộc phụ trách)		
		18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm	100%			
		18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch	≥ 80%	 Sở Tài nguyên và Môi trường; 		
		18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường	100%		Hội Liên hiệp Phụ nữ VN Tỉnh	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách	Hướng dẫn thực hiện	Danh mục hồ sơ minh chứng
				hướng dẫn nội dung "đảm bảo 3 sạch" (sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ) thuộc chỉ tiêu 18.7		
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân	<b>Đạt</b>	 Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh		
		19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng,	<b>Đạt</b>	 Công an tỉnh		

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách	Hướng dẫn thực hiện	Danh mục hồ sơ minh chứng
		chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả				

**BAN CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG  
NÔNG THÔN MỚI GẮN VỚI ĐỀ ÁN TÁI CƠ CẤU NGÀNH NÔNG NGHIỆP  
VÀ CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG CỦA TỈNH ĐỒNG THÁP  
ĐẾN NĂM 2025**



**HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN  
BỘ TIÊU CHÍ VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI  
KIỂU MẪU TỈNH ĐỒNG THÁP  
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**



**HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI  
KIỂU MẪU TỈNH ĐỒNG THÁP GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

*(Quyết định số 864/QĐ-UBND-HC ngày 08 tháng 8 năm 2022  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)*

**XÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU KHI ĐẠT ĐỦ CÁC  
ĐIỀU KIỆN SAU:**

1. Đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025; đối với các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2021 (theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2016 - 2020), phải tập trung rà soát, chỉ đạo thực hiện, đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025. Rà soát, hoàn chỉnh hồ sơ minh chứng đạt chuẩn NTM nâng cao đến thời điểm xét công nhận.

2. Thu nhập bình quân đầu người của xã tại thời điểm xét, công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu phải cao hơn từ 10% trở lên so với mức thu nhập bình quân đầu người áp dụng theo quy định đối với xã nông thôn mới nâng cao tại cùng thời điểm.



3. Có ít nhất 01 (một) mô hình làng thông minh, do Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh quy định cụ thể:



4. Đạt đủ các tiêu chí của 01 (một) trong 05 nhóm tiêu chí sau:






## NHÓM TIÊU CHÍ VỀ SẢN XUẤT







TT	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt	Đơn vị phụ trách	Hướng dẫn thực hiện	Hồ sơ minh chứng
1	Tỷ lệ số hợp tác xã nông nghiệp hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị ổn định	≥ 70%	Sở Nông PTNT		
2	Hợp tác xã nông nghiệp có ứng dụng chuyển đổi số trong sản xuất, quản lý hoặc điều hành hoạt động	Ít nhất 01 mô hình nghiệp và ứng dụng chuyển đổi số			
3	Có mô hình sản xuất nông nghiệp quy mô lớn gắn với liên kết tiêu thụ được ứng dụng cơ giới hóa đồng bộ.	Đạt			
4	Thực hiện cấp mã số vùng trồng đối với diện tích trồng đủ điều kiện	a) Cây lúa:	Đạt ít nhất 85% diện tích trồng		
		b) Cây ăn trái:	Đạt ít nhất 80% diện tích trồng		

TT	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt	Đơn vị phụ trách	Hướng dẫn thực hiện	Hồ sơ minh chứng
		c) Cây rau màu:	Đạt ít nhất 50% diện tích trồng		
5	Thực hành sản xuất lúa, cây ăn trái, rau màu an toàn		Sở Nông nghiệp và PTNT		
	5.1 Chứng nhận VietGAP hoặc các GAP khác	Đạt ít nhất 20% diện tích trồng			
	5.2 Chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm	Đạt ít nhất 70% diện tích trồng			
6	Truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông sản				
	6.1 Cơ sở sản xuất, kinh doanh nông sản đạt Chứng nhận VietGAP hoặc GAP khác, đạt chứng nhận đủ điều kiện an	Đạt 100% cơ sở			




TT	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt	Đơn vị phụ trách	Hướng dẫn thực hiện	Hồ sơ minh chứng
	toàn thực phẩm hoặc tương đương thiết lập, duy trì thực hiện hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm				
	6.2 Cơ sở sản xuất, kinh doanh nông sản đạt Chứng nhận VietGAP hoặc GAP khác, đạt chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc tương đương ứng dụng công nghệ truy xuất nguồn gốc sản phẩm	Đạt ít nhất 01 cơ sở			

### NHÓM TIÊU CHÍ VỀ GIÁO DỤC - Y TẾ - VĂN HÓA VÀ DU LỊCH




TT	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt	Đơn vị phụ trách	Hướng dẫn thực hiện	Hồ sơ minh chứng
<b>1</b>	<b>Về Giáo dục</b>				
	Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt chuẩn quốc gia	<b>100%</b>	Sở Giáo dục và Đào tạo		

TT	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt	Đơn vị phụ trách	Hướng dẫn thực hiện	Hồ sơ minh chứng
<b>2</b>	<b>Về Y tế</b>				
	2.1 Trạm y tế xã có đủ điều kiện khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế	Đạt	Sở Y tế		
	2.2 Tỷ lệ người dân (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tham gia bảo hiểm y tế	≥ 98%			
	2.3. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe	≥ 92%			
<b>3</b>	<b>Về Văn hóa - Du lịch</b>				
	3.1 Có ít nhất 01 điểm du lịch cộng đồng gắn với phát triển văn hóa địa phương	Đạt	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		
	3.2 Mỗi ấp thành lập ít nhất 01 đội hoặc 01 câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ hoạt động thường xuyên và hiệu quả	Đạt			







**NHÓM TIÊU CHÍ  
VỀ CẢNH QUAN MÔI TRƯỜNG**







TT	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt	Đơn vị phụ trách	Hướng dẫn thực hiện	Hồ sơ minh chứng
1	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	100%	 Sở Tài nguyên và Môi trường		
2	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	≥50%			
3	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	≥70%			
4	Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	≥80%			
5	Có công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung áp dụng biện pháp phù hợp	01 công trình			
6	Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp.	Đạt			


**NHÓM TIÊU CHÍ  
VỀ AN NINH TRẬT TỰ**

TT	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt	Đơn vị phụ trách	Hướng dẫn thực hiện	Hồ sơ minh chứng
1	Trong năm xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu phải đạt Tiêu chí 19.2 trong Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025	Đạt	 Công an Tỉnh		
2	Trong 03 năm liên tục trước thời điểm xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu: phân loại Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc phải đạt từ loại “Khá” trở lên và năm xét, công nhận phải đạt loại “Xuất sắc”	Đạt			

**NHÓM TIÊU CHÍ  
VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ**

TT	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt	Đơn vị phụ trách	Hướng dẫn thực hiện	Hồ sơ minh chứng
<b>1</b>	<b>Xây dựng Chính quyền số</b>				
	1.1 Xây dựng hạ tầng số để đáp ứng cho việc triển khai thuận lợi việc xây dựng Chính quyền số	Đạt	Sở Thông tin và Truyền thông		
	1.2 Triển khai các ứng dụng phục vụ cho xây dựng Chính quyền số	Đạt			
	1.3. 100% cán bộ, công chức được đào tạo, tập huấn kỹ năng số	Đạt			
	1.4. Bảo đảm 100% người trong độ tuổi lao động biết sử dụng dịch vụ công trực tuyến	Đạt			
<b>2</b>	<b>Phát triển Kinh tế số</b>				
	2.1 Phát triển thương mại điện tử: Các sản phẩm đặc trưng của xã được kinh doanh trên môi trường trực tuyến	Đạt	Sở Công Thương		

	2.2 Triển khai thanh toán điện tử: tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn người dân biết và sử dụng các dịch vụ ngân hàng điện tử để thực hiện mua sắm trực tuyến và thanh toán điện tử	Đạt			
			Ngân hàng Nhà nước - Chi nhánh Tỉnh		
	2.3 Triển khai nông nghiệp thông minh: Tự động hoá hệ thống tưới tiêu, dự báo sâu rầy, quan trắc môi trường, ứng dụng công nghệ truy xuất nguồn gốc sản phẩm vào quy trình sản xuất.	Đạt			
			Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		
<b>3</b>	<b>Triển khai Xã hội số</b>				
	3.1 Triển khai các dịch vụ giáo dục thông minh: áp dụng mô hình STEM cho các trường tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn xã.	Đạt	Sở Giáo dục và Đào tạo		
	3.2 Triển khai các dịch vụ y tế thông minh: vận động 92% người sử dụng điện thoại thông minh cài đặt và sử dụng phần mềm Sổ sức	Đạt			
			Sở Y tế		

	khoẻ điện tử trên điện thoại di động, triển khai mô hình khám chữa bệnh từ xa tại Trạm Y tế xã, triển khai mô hình tư vấn sức khoẻ trực tuyến “Dân hỏi - Bác sĩ trả lời”.				
	3.3 Triển khai dịch vụ Internet cố định bằng rộng trên toàn địa bàn, đáp ứng cho 100% hộ gia đình có nhu cầu, phủ sóng mạng di động 4G, 5G trên địa bàn xã.	Đạt	 Sở Thông tin và Truyền thông		
	3.4 Phổ cập kỹ năng số để người dân có thể tham gia mua bán, sử dụng dịch vụ công, cập nhật thông tin, kiến thức qua môi trường mạng. Nhận thức được các nguy cơ mất an toàn thông tin để phòng tránh.	Đạt			

**BAN CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG  
NÔNG THÔN MỚI GẮN VỚI ĐỀ ÁN TÁI CƠ CẤU NGÀNH NÔNG NGHIỆP  
VÀ CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG CỦA TỈNH ĐỒNG THÁP  
ĐẾN NĂM 2025**



**HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN  
BỘ TIÊU CHÍ VỀ HUYỆN NÔNG  
THÔN MỚI; QUY ĐỊNH THÀNH PHỐ  
HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ XÂY DỰNG  
NÔNG THÔN MỚI VÀ BỘ TIÊU CHÍ VỀ  
HUYỆN NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO  
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG THÁP  
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**



**HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ VỀ HUYỆN NÔNG THÔN MỚI;  
QUY ĐỊNH THÀNH PHỐ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ XÂY DỰNG NÔNG  
THÔN MỚI VÀ BỘ TIÊU CHÍ VỀ HUYỆN NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO  
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG THÁP GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

*(Quyết định số 865/QĐ-UBND-HC ngày 08 tháng 8 năm 2022  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)*

**CHƯƠNG 1**

**HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ VỀ HUYỆN NÔNG THÔN MỚI  
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**







1. Có 100% số xã trên địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới (đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp).









2. Có ít nhất 10% số xã trên địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025 áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp).

3. Có 100% số thị trấn trên địa bàn đạt chuẩn đô thị văn minh.







4. Tỷ lệ hài lòng của người dân trên địa bàn đối với kết quả xây dựng nông thôn mới của huyện đạt từ 90% trở lên (trong đó có tỷ lệ hài lòng của người dân ở từng xã đối với kết quả thực hiện từng nội dung xây dựng nông thôn mới đạt từ 80% trở lên).







5. Đạt các tiêu chí huyện nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, bao gồm:






TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách	Hướng dẫn thực hiện	Danh mục hồ sơ minh chứng
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt còn thời hạn hoặc được rà soát, điều chỉnh theo quy định, trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn	Đạt	 Sở Xây dựng		
		1.2. Có công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu hoặc hạ tầng xã hội thiết yếu được đầu tư xây dựng theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt	≥ 01 công trình			
2	Giao thông	2.1. Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã và được bảo trì hàng năm	Đạt	 Sở Giao thông vận tải		
		2.2. Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch	100%			




TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách	Hướng dẫn thực hiện	Danh mục hồ sơ minh chứng
		2.3. Tỷ lệ km đường huyện được trồng cây xanh dọc tuyến đường	≥ 50%	 Sở Nông nghiệp & PTNT		
		2.4. Bến xe khách tại trung tâm huyện (nếu có theo quy hoạch) đạt tiêu chuẩn loại IV trở lên	Đạt	 Sở Giao thông vận tải		
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch	Đạt	 Sở Nông nghiệp & PTNT		
		3.2. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Đạt			
4	Điện	Hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống	Đạt	 Sở Công thương		













TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách	Hướng dẫn thực hiện	Danh mục hồ sơ minh chứng
5	Y tế - Văn hóa - Giáo dục	5.1. Trung tâm Y tế huyện đạt chuẩn		Đạt	 Sở Y tế		
		5.2. Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có nhiều hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với các xã		Đạt	 Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch		
		5.3. Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên		≥60%	 Sở Giáo dục và Đào tạo		
		5.4. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục	a) Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp đạt kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp	Đạt	 Sở Lao động - Thương binh và Xã hội		



TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách	Hướng dẫn thực hiện	Danh mục hồ sơ minh chứng
		thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục	b) Trung tâm Giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Cấp độ 1	 Sở Giáo dục và Đào tạo		
6	Kinh tế	6.1. Có khu công nghiệp, hoặc cụm công nghiệp được đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật[1], hoặc cụm ngành nghề nông thôn [2]		Đạt	 Sở Công Thương [1],  Sở Nông nghiệp & PTNT [2]		
		6.2. Chợ trung tâm huyện đạt tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm		Đạt	 Sở Công Thương		


TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách	Hướng dẫn thực hiện	Danh mục hồ sơ minh chứng
		6.3. Hình thành vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực hoặc có mô hình liên kết theo chuỗi giá trị đảm bảo an toàn thực phẩm, kết nối từ sản xuất đến tiêu thụ đối với các sản phẩm chủ lực của huyện	Đạt	 Sở Nông nghiệp & PTNT		
		6.4. Có Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp hoạt động hiệu quả	Đạt			
7	Môi trường	7.1. Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp $\leq 50\%$ tổng lượng phát sinh	Đạt	 Sở Tài nguyên và Môi trường		
		7.2. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	$\geq 40\%$			

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách	Hướng dẫn thực hiện	Danh mục hồ sơ minh chứng
		7.3. Có mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp quy mô cấp xã trở lên	$\geq 01$ mô hình	 Sở Nông nghiệp & PTNT		
		7.4. Có công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung áp dụng biện pháp phù hợp	$\geq 01$ công trình	 Sở Tài nguyên và Môi trường		
		7.5. Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường, trong đó tỷ lệ đất trồng cây xanh trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp tối thiểu là 10% diện tích toàn khu	Đạt			
		7.6. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	$\geq 2$ m <sup>2</sup> / người	 Sở Nông nghiệp & PTNT		

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách	Hướng dẫn thực hiện	Danh mục hồ sơ minh chứng
8	Chất lượng môi trường sống	7.7. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	≥ 50%	 Sở Tài nguyên và Môi trường		
		7.8. Tỷ lệ điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện có hạ tầng về bảo vệ môi trường theo quy định	100%			
		8.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung	≥ 45%	 Sở Nông nghiệp & PTNT		
8.2. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	≥ 45%					
		8.3. Có kế hoạch/Đề án kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện	Đạt			

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách	Hướng dẫn thực hiện	Danh mục hồ sơ minh chứng
		8.4. Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn	Đạt	  Sở Nông nghiệp & PTNT <i>(2 đơn vị phụ trách)</i>		
		8.5. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%			
9	Hệ thống chính trị - An ninh trật tự - Hành chính công	9.1. Đảng bộ, chính quyền huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt	 Sở Nội vụ		

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách	Hướng dẫn thực hiện	Danh mục hồ sơ minh chứng
		9.2. Tổ chức chính trị - xã hội của huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	100%			
		9.3. Trong 02 năm liên tục trước năm xét công nhận, không có công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự	Không			
		9.4. Đảm bảo an ninh, trật tự	Đạt	 Công an Tỉnh		
		9.5. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên	Đạt	 Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh		

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách	Hướng dẫn thực hiện	Danh mục hồ sơ minh chứng
		9.6. Huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt	 Sở Tư pháp		

## CHƯƠNG 2

### HƯỚNG DẪN QUY ĐỊNH THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC CẤP TỈNH HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

1. Có 100% số xã trên địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới (*đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp*).
2. Có ít nhất 01 xã trên địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025.
3. Có 100% số phường trên địa bàn đạt chuẩn đô thị văn minh.
4. Tỷ lệ hài lòng của người dân trên địa bàn đối với kết quả xây dựng nông thôn mới của thành phố đạt từ 90% trở lên (*trong đó có tỷ lệ hài lòng của người dân ở từng xã đối với kết quả thực hiện từng nội dung xây dựng nông thôn mới đạt từ 80% trở lên*).
5. Đất cây xanh sử dụng công cộng trong đô thị trên địa bàn tối thiểu là 5 m<sup>2</sup>/người.












## CHƯƠNG 3






### HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ VỀ HUYỆN NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

1. Là huyện đạt chuẩn nông thôn mới (*đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí về huyện nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp*).
2. Có ít nhất 50% số xã trên địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (*đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025 áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp*).
3. Tỷ lệ hài lòng của người dân trên địa bàn đối với kết quả xây dựng nông thôn mới nâng cao của huyện đạt từ 95% trở lên (*trong đó có tỷ lệ hài lòng của người dân ở từng xã đối với kết quả thực hiện từng nội dung xây dựng nông thôn mới nâng cao đạt từ 85% trở lên*).
4. Đạt các tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025, bao gồm:





TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách	Hướng dẫn thực hiện	Danh mục hồ sơ minh chứng
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch xây dựng chi tiết khu chức năng dịch vụ hỗ trợ sản xuất trên địa bàn 1.2. Công trình hạ tầng kỹ thuật hoặc hạ tầng xã hội được đầu tư xây dựng đạt mức yêu cầu	Đạt  ≥ 02 công trình	Sở Xây dựng	 	 






TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách	Hướng dẫn thực hiện	Danh mục hồ sơ minh chứng
		theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt				
2	Giao thông	2.1. Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối liên xã, liên vùng và giữa các vùng nguyên liệu tập trung, phù hợp với quá trình đô thị hóa	Đạt	 Sở Giao thông vận tải		
		2.2. Tỷ lệ km đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, có các hạng mục cần thiết về an toàn giao thông theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, lan can phòng hộ,...), được trồng cây xanh, được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp	100%			

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách	Hướng dẫn thực hiện	Danh mục hồ sơ minh chứng
		2.3. Bến xe khách tại trung tâm huyện (nếu có theo quy hoạch) đạt tiêu chuẩn loại III trở lên	Đạt	Sở Giao thông vận tải		
3	Thuỷ lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Các công trình thuỷ lợi do huyện quản lý được bảo trì, nâng cấp, đảm bảo tích hợp hệ thống cơ sở dữ liệu theo chuyển đổi số	Đạt	 Sở Nông nghiệp & PTNT		
		3.2. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các vi phạm và nguồn nước thải xả vào công trình thuỷ lợi trên địa bàn huyện	Đạt			
		3.3. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Khá			
4	Điện	Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, cấp điện tin cậy, ổn định, an toàn hành lang lưới điện và mỹ quan	Đạt	 Sở Công Thương		






TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách	Hướng dẫn thực hiện	Danh mục hồ sơ minh chứng
5	Y tế - Văn hóa - Giáo dục	5.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥ 95%	 Sở Y tế		
		5.2. Có công viên hoặc quảng trường được lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao	100%	 Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		
		5.3. Các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc được kế thừa và phát huy hiệu quả; các di sản văn hóa trên địa bàn được kiểm kê, ghi danh, truyền dạy, xếp hạng, tu bổ, tôn tạo, bảo vệ và phát huy giá trị hiệu quả	Đạt	 Sở Giáo dục và Đào tạo		
		5.4. Có 100% số trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, trong đó có ít nhất 01 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2	Đạt			




TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách	Hướng dẫn thực hiện	Danh mục hồ sơ minh chứng
6	Kinh tế	5.5. Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Đạt	 Sở Lao động - Thương binh và Xã hội		
		a) Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp đạt kiểm định chất lượng giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục	Cấp độ 2	 Sở Giáo dục và Đào tạo		
6	Kinh tế	6.1. Có khu công nghiệp được lắp đầy từ 50% trở lên hoặc có cụm công nghiệp được đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật và được lắp đầy từ 50% trở lên [1] hoặc có cụm ngành nghề nông thôn được đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ [2]	Đạt	 Sở Công thương [1],  Sở Nông nghiệp & PTNT [2]		


TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách	Hướng dẫn thực hiện	Danh mục hồ sơ minh chứng
		6.2. Vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực của huyện được đầu tư đồng bộ về cơ sở hạ tầng, được cấp mã vùng và có ứng dụng quy trình kỹ thuật tiến tiến	Đạt	 Sở Nông nghiệp & PTNT		
		6.3. Có chợ đạt tiêu chuẩn chợ hạng 2 hoặc trung tâm thương mại đạt chuẩn theo quy định	Đạt	 Sở Công Thương		
		6.4. Có Đề án/Kế hoạch hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn đối với sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP và được triển khai hiệu quả	Đạt	 Sở Nông nghiệp & PTNT		
		6.5. Hình ảnh điểm du lịch của huyện được quảng bá thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội	Đạt	 Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		





TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách	Hướng dẫn thực hiện	Danh mục hồ sơ minh chứng
7	Môi trường	7.1. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn huyện được thu gom và xử lý theo quy định	$\geq 95\%$	 Sở Tài nguyên và Môi trường		
		7.2. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn huyện được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%			
		7.3. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng, tái chế thành các nguyên liệu, nhiên liệu và sản phẩm thân thiện với môi trường	$\geq 80\%$	 Sở Nông nghiệp & PTNT		
		7.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	$\geq 70\%$	 Sở Tài nguyên và Môi trường		



TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách	Hướng dẫn thực hiện	Danh mục hồ sơ minh chứng
		7.5. Tỷ lệ nước thải sinh hoạt trên địa bàn toàn huyện được thu gom, xử lý bằng các biện pháp, công trình phù hợp	≥ 50%			
		7.6. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	≥ 4 m <sup>2</sup> / người	 Sở Nông nghiệp & PTNT		
		7.7. Không có làng nghề ô nhiễm môi trường trên địa bàn huyện	Đạt	 Sở Tài nguyên và Môi trường		
		7.8. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	≥ 85%			
8	Chất lượng môi trường sống	8.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung	≥ 55%	 Sở Nông nghiệp		

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách	Hướng dẫn thực hiện	Danh mục hồ sơ minh chứng
		8.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm	≥ 80 lít	& PTNT		
		8.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung trên địa bàn huyện có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	≥ 55%			
		8.4. Có mô hình xử lý nước mặt (ao, hồ) bảo đảm quy định về bảo vệ môi trường	≥ 01 mô hình	 Sở Tài nguyên và Môi trường		
		8.5. Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn	Đạt			
		8.6. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	 		

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách	Hướng dẫn thực hiện	Danh mục hồ sơ minh chứng
		8.7. Tỷ lệ cán bộ làm công tác quản lý chất lượng an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản do huyện quản lý hàng năm được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ	100%	Sở Nông nghiệp & PTNT <i>(do 2 đơn vị phụ trách)</i>		
		8.8. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của huyện	Không			
		8.9. Có mô hình xã, làng thông minh	Đạt	 Căn cứ theo phân công nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân Tỉnh tại Quyết định phê duyệt mô hình Làng thông minh		

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách	Hướng dẫn thực hiện	Danh mục hồ sơ minh chứng
9	An ninh, trật tự - Hành chính công	9.1. An ninh, trật tự trên địa bàn huyện được giữ vững ổn định và nâng cao	Đạt	 Công an Tỉnh		
		9.2. Có dịch vụ công trực tuyến	Mức độ 4	 Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh		

**SỔ TAY HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH  
MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI  
TỈNH ĐỒNG THÁP GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

*Chịu trách nhiệm xuất bản*

**Nguyễn Phước Thiện**

Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

*Chịu trách nhiệm nội dung*

Các sở ban ngành phụ trách tiêu chí

Chi cục trưởng Chi cục Phát triển nông thôn/Phó Chánh Văn phòng  
Điều phối xây dựng nông thôn mới và Tái cơ cấu ngành nông nghiệp

*Biên tập nội dung*

**Huyền Thị Huỳnh Mai**

*Bìa và trình bày*

**Huyền Thị Huỳnh Mai**

---

In cuốn, khổ 14.5 x 20.5 cm. In tại Công ty Cổ phần In & Bao bì Đồng Tháp.

Giấy phép xuất bản số: ; cấp ngày

In xong nộp lưu chiểu